

Số: 1898/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo, huyện Sơn Tây**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương dự án Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo, huyện Sơn Tây;

Căn cứ các Quyết định: Số 2127/QĐ-UBND ngày 31/10/2016, số 1361/QĐ-UBND ngày 19/9/2019, số 368/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đầu tư và điều chỉnh dự án Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo, huyện Sơn Tây;

Theo đề nghị của UBND huyện Sơn Tây tại Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 20/9/2021; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 301/BC-STC ngày 23/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo, huyện Sơn Tây.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Sơn Tây.
- Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.
- Thời gian khởi công tháng 8/2017 - hoàn thành tháng 7/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư**2. Nguồn vốn đầu tư:***Đơn vị tính: 1.000 đồng*

Nguồn vốn	Dự toán công trình được duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán	Đã thanh toán	Còn thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
Tổng số	67.957.339	67.166.118	65.834.109	+ 1.332.009
- NS tỉnh	67.957.339	67.166.118	65.834.109	+ 1.332.009

2. Chi phí đầu tư quyết toán:*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	67.957.339.000	67.166.118.000
- GPMB	8.181.093.948	8.181.091.000
- Xây dựng + HMC	53.135.342.860	52.556.532.000
- QLDA	1.416.354.000	1.416.354.000
- Tư vấn	3.222.296.515	3.210.317.000
- Chi phí khác:	1.832.598.282	1.801.824.000
- Dự phòng (không thực hiện)	169.654.343	0

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

3. Chi phí đầu tư thiệt hại được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	67.166.118.000		0	
1. Tài sản cố định	67.166.118.000		0	
2. Tài sản lưu động	0		0	

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không có**Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư của dự án là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số	67.166.118.000	
- NS tỉnh	67.166.118.000	

- Tình hình công nợ tính đến thời điểm thẩm tra :

Trong đó: - Nợ phải thu: 0 đồng
 - Nợ phải trả: 1.332.009.000 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

- Thanh toán công nợ: Trình cấp thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn ngân sách tỉnh là 1.332.009.000 đồng để thanh toán công nợ.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
UBND huyện Sơn Tây (chủ đầu tư)	67.166.118.000	0

3. Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Sơn Tây chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành số 301/BC-STC ngày 23/11/2021 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 818).



CHỦ TỊCH

Đặng văn Minh



W

2.

Phụ lục số 1

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN
HUYỆN SƠN LIÊN - CẦU TÀ MEO, HUYỆN SƠN TÂY

(Kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đề nghị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)-(4)
I	Chi phí đền bù GPMB	8.181.093.000	8.181.093.000	8.181.091.000	-2.000	-2.000
1	Đền bù trực tiếp	7.884.037.000	7.884.037.000	7.884.035.000	-2.000	-2.000
2	Phục vụ bồi thường	236.520.000	236.520.000	236.520.000	0	0
3	Khảo sát, thiết kế BVTC và dự toán	7.040.000	7.040.000	7.040.000	0	0
4	Thi công di dời đường điện	52.198.000	52.198.000	52.198.000	0	0
5	Tư vấn giám sát Thi công xây dựng	1.298.000	1.298.000	1.298.000	0	0
II	Chi phí xây dựng + HMC	53.135.342.860	52.591.582.000	52.556.532.000	-578.810.860	-35.050.000
1	Gói thầu số 10: thi công xây dựng	53.135.342.860	52.591.582.000	52.556.532.000	-578.810.860	-35.050.000
III	Chi phí quản lý dự án	1.416.354.000	1.416.354.000	1.416.354.000	0	0
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.222.296.515	3.210.319.000	3.210.317.000	-11.979.515	-2.000
1	Khảo sát bước lập DADT	322.092.806	322.092.000	322.092.000	-806	0
2	Lập dự án đầu tư	195.892.135	195.774.000	195.774.000	-118.135	0
3	Khảo sát bước thiết kế BVTC	625.024.750	623.421.000	623.421.000	-1.603.750	0
4	Thiết kế BVTC và dự toán	571.891.416	569.440.000	569.440.000	-2.451.416	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đề nghị
5	Giám sát thi công xây dựng	1.470.873.725	1.463.220.000	1.463.220.000	-7.653.725	0
6	Lập HSMT xây lắp	36.521.683	36.372.000	36.370.000	-151.683	-2.000
V	Chi phí khác	1.832.598.282	1.802.707.000	1.801.824.000	-30.774.282	-883.000
1	Thẩm định dự án	9.588.000	9.588.000	9.580.000	-8.000	-8.000
2	Bảo hiểm xây dựng	143.481.624	140.438.000	140.438.000	-3.043.624	0
3	Đánh giá HSDT xây lắp	45.218.451	45.213.000	45.213.000	-5.451	0
4	Thẩm định HSMT xây lắp	22.609.226	22.609.000	22.609.000	-226	0
5	Thẩm định kết quả LCNT xây lắp	22.609.226	22.609.000	22.609.000	-226	0
6	Thẩm định thiết kế BVTC và dự toán	66.946.339	66.946.000	66.946.000	-339	0
7	Rà phá bom, mìn	579.000.000	579.000.000	579.000.000	0	0
8	Trích đo địa chính và cắm mốc GPMB	485.552.399	483.352.000	483.352.000	-2.200.399	0
9	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	59.876.000	59.875.000	59.000.000	-876.000	-875.000
10	Kiểm toán công trình hoàn thành	308.199.669	289.060.000	289.060.000	-19.139.669	0
11	Thẩm tra quyết toán	89.517.348	84.017.000	84.017.000	-5.500.348	0
VI	Dự phòng	169.654.343	0	0	-169.654.343	0
VII	Tổng cộng	67.957.339.000	67.202.055.000	67.166.118.000	-791.221.000	-35.937.000

Phụ lục số 2
BẢNG CÔNG NỢ

THỊ TRƯỜNG SƠN LIÊN - CẦU TÀ MEO, HUYỆN SƠN TÂY

(Kèm theo Quyết định số **4898** /QĐ-UBND ngày **30** /11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	
I		Chi phí đền bù GPMB	8.181.091.000	8.181.091.000	0	0
1	Các tổ chức và hộ dân	Đền bù trực tiếp	7.884.035.000	7.884.035.000	0	0
2	Ban quản lý dự án DTXD&PTQĐ huyện Sơn Tây	Phục vụ bồi thường	236.520.000	236.520.000	0	0
3	Công ty TNHH tư vấn công trình Gia An	Khảo sát, thiết kế BVTC và dự toán	7.040.000	7.040.000	0	0
4	Công ty TNHH MTV vận tải & xây dựng Phước Thành	Thi công xây dựng hạng mục	52.198.000	52.198.000	0	0
5	Công ty TNHH tư vấn xây dựng và thương mại BKSC	Tư vấn giám sát Thi công xây dựng	1.298.000	1.298.000	0	0
II		Chi phí xây dựng +HMC	52.556.532.000	52.016.730.000	0	539.802.000
1	Công ty TNHH xây dựng Trung Thiên Tâm	Gói thầu số 10: thi công xây dựng	29.459.928.000	29.246.842.000	0	213.086.000
2	Công ty TNHH xây dựng Thành Đạt		23.096.604.000	22.769.888.000	0	326.716.000
III	Ban quản lý dự án DTXD&PTQĐ huyện Sơn Tây	Chi phí quản lý dự án	1.416.354.000	1.416.354.000	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
IV		Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.210.317.000	2.527.610.000	0	682.707.000
1	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc	Khảo sát, lập dự án đầu tư	517.866.000	340.420.000	0	177.446.000
2	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc	Khảo sát, thiết kế BVTC và dự toán	1.192.861.000	900.000.000	0	292.861.000
3	Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Thiên Hoàng	Giám sát thi công xây dựng	1.065.230.000	1.020.770.000	0	44.460.000
4	Công Ty TNHH tư vấn xây dựng cầu đường Quảng Ngãi	Giám sát thi công xây dựng	397.990.000	230.050.000	0	167.940.000
5	Công ty CP tư vấn xây dựng An Mỹ	Lập HSMT xây lắp	36.370.000	36.370.000	0	0
V		Chi phí khác	1.801.824.000	1.692.324.000	0	109.500.000
1	Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi	Thẩm định dự án	9.580.000	9.580.000	0	0
2	Liên danh Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ và Công ty Bảo hiểm Hàng Không Quảng Ngãi	Bảo hiểm xây dựng	140.438.000	140.438.000	0	0
3	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ	Đánh giá HSMT xây lắp	45.213.000	45.213.000	0	0
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Thẩm định HSMT xây lắp	22.609.000	22.609.000	0	0
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Thẩm định kết quả LCNT xây lắp	22.609.000	22.609.000	0	0
6	Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi	Thẩm định thiết kế BVTC và dự toán	66.946.000	66.946.000	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
7	Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn	Rà phá bom, mìn	579.000.000	570.000.000	0	9.000.000
8	Công ty TNHH Tân Thành	Trích đo địa chính và cắm mốc GPMB	483.352.000	483.352.000	0	0
9	Công ty TNHH dịch vụ và công nghệ Môi Trường Xanh	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	59.000.000	59.000.000	0	0
10	Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương	Kiểm toán công trình hoàn thành	289.060.000	272.577.000	0	16.483.000
11	Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi	Thẩm tra quyết toán	84.017.000	0	0	84.017.000
VI	Tổng cộng		67.166.118.000	65.834.109.000	0	1.332.009.000